

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM HỮU NGHỊ
HUONGHI FOOD JOINT
STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No: 118...../BC-TPHN

Hà Nội, ngày (month) 4 tháng (day) 7 năm (year) 2025.

BÁO CÁO¹
Tình hình quản trị công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
6 tháng năm 2025 (6 months/year 2025)

- Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.
- Tên công ty/Name of company: Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị
Huonghi Food Joint stock Company
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: 122 Định Công – Phường Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội/ No 122 Dinh Cong , Dinh Cong Ward, Hoang Mai district, Ha noi City, Viet Nam
- Điện thoại/Telephone: Fax: Email:
- Vốn điều lệ/Charter capital: 300.000.000.000đ (Ba trăm tỷ đồng) Three hundred billion VND
- Mã chứng khoán/Stock symbol: HNF
- Mô hình quản trị công ty/Governance model:
- + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/The implementation of internal audit: Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung	Content
01	68/NQ.ĐHĐCĐ-TPHN (Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)/ Annual General Meeting - AGM	28/4/2025	Cuộc họp đã thông qua các nội dung chính sau: Điều 1: Thông qua cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch, Bầu chủ toạ và các Ban giúp việc tại Đại hội; thông qua	The meeting approved the following main contents: Article 1: Approve the personnel structure of the Presidium, elect the Chairman and the supporting

¹ Phụ lục V/Appendix V. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE (Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) (Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

2025		nội dung chương trình Đại hội, quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025. Điều 2: Thông qua toàn văn báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025 (Báo cáo số 47/BC-TPHN ngày 02/4/2025). Điều 3: Thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng quản trị (về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị) 2024, kế hoạch 2025 của HĐQT; thông qua toàn văn Báo cáo về tình hình quản trị Công ty (Báo cáo số 48/BC-TPHN ngày 02/4/2025). Điều 4: Thông qua toàn văn Báo cáo của Ban kiểm soát (về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc)); thẩm định của BKS về báo cáo tài chính đã được kiểm toán; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2024, kế hoạch 2025 (Báo cáo số 49/BC-BKS ngày 02/4/2025). Điều 5: Thông qua toàn văn nội dung Tờ trình số 50/TTr-TPHN ngày 02/4/2025 về Báo cáo tài chính năm 2024 kiểm toán. Điều 6: Thông qua toàn văn nội dung Tờ trình số 51/TTr-TPHN ngày 02/4/2025 về việc Công ty TNHH MTV DNA Holding nhận chuyển nhượng cổ phần, miễn chào mua công khai (Công ty TNHH MTV DNA Holding là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty cổ phần DNA Holding. Mã số doanh nghiệp giữ nguyên không thay đổi: 2301054242). Điều 7: Thông qua toàn văn nội dung Tờ trình số 52/TTr-TPHN ngày 02/4/2025 về việc phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ 2025 và Tờ trình số 53/TTr-TPHN ngày 02/4/2025 về việc chia cổ tức 2024 và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức Điều 8: Thông qua toàn văn nội dung Tờ trình số 54/TTr-TPHN	committees at the GMS; approve the GMS agenda and working regulations at the 2025 General Meeting of Shareholders Article 2: Approve the full report of the Executive Board on the results of production and business activities in 2024 and the plan for 2025 (Report No. 47/BC-TPHN dated 02/4/2025). Article 3: Approve the full text of the Board of Directors' Report (on governance, performance of the Board of Directors and each member of the Board of Directors) 2024, the Board of Directors' plan 2025; approve the full text of the Report on the Company's governance situation (Report No. 48/BC-TPHN dated 02/4/2025). Article 4: Approve the full text of the Report of the Board of Controllers (on the Company's business results, performance of the Board of Directors, Director (General Director)); the Board of Controllers' appraisal of the audited financial statements; Self-assessment report on the performance results of the Board of Supervisors and each Controller in 2024, the 2025 plan (Report No. 49/BC-BKS dated 02/4/2025). Article 5: Approve the full text of Submission No. 50/TTr-TPHN dated 02/4/2025 on the Audited Financial Statements for 2024. Article 6: Approve of the full text of the Submission No. 51/TTr-TPHN dated 02/4/2025 regarding the purchase of shares by DNA Holding One member company limited, exempted from public offering (DNA Holding one member company limited is a company converted from DNA Holding Joint Stock Company. The business registration number remains unchanged: 2301054242). Article 7: Approve the full text of Submission No. 52/TTr-TPHN dated 02/4/2025 on profit distribution and fund allocation for 2025 and Submission No. 53/TTr-TPHN dated 02/4/2025 on dividend payment for 2024 and authorize the Board of
------	--	--	---

		ngày 02/4/2025 về việc dự kiến chia cổ tức trong năm 2025 Điều 9: Thông qua toàn văn nội dung Tờ trình số 55/TTr-TPHN ngày 02/4/2025 về việc lựa chọn Công ty kiểm toán 2025 Điều 10: Thông qua toàn văn nội dung Tờ trình số 56/TTr-TPHN ngày 02/4/2025 về việc quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2025	Directors to choose the time to pay dividends Article 8: Approve the full text of Submission No. 54/TTr-TPHN dated 02/4/2025 on the expected dividend payment in 2025 Article 9: Approve the full text of the Submission No. 55/TTr-TPHN dated 02/4/2025 on the selection of the Auditing Company 2025 Article 10: Approve the full text of the Submission No. 56/TTr-TPHN dated 02/4/2025 on the remuneration fund for the Board of Directors and Board of Controllers in 2025
--	--	--	---

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Information about the members of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
01	Mr. Trịnh Trung Hiếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Chairman of the board - COB	22/6/2022 (Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 140/VPHĐQT ngày 22/6/2022, nhiệm kỳ 2022-2027)/ (Minutes and Resolution of the 2022 Annual General Meeting of Shareholders and Board of Directors Resolution No. 140/VPHĐQT dated June 22, 2022, term 2022-2027)	
02	Ms. Nguyễn Thị Hải Lan	Thành viên Hội đồng quản trị/ board members	11/09/2024 (Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2024, nhiệm kỳ 2024-2029)/ (Minutes and	

			<i>Resolution of the 2024 Extraordinary General Meeting of Shareholders, term 2024-2029)</i>	
03	Mr Tạ Nguyên Hải	Thành viên Hội đồng quản trị/ board members	11/09/2024 (Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2024, nhiệm kỳ 2024-2029)/ <i>(Minutes and Resolution of the 2024 Extraordinary General Meeting of Shareholders, term 2024-2029)</i>	
04	Mr Bùi Tuấn Anh	Thành viên độc lập HĐQT/independent member of the board	22/6/2022 (Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, nhiệm kỳ 2022-2027)/ <i>(Minutes and Resolution of the 2022 Annual General Meeting of Shareholders, term 2022-2027)</i>	
05	Mr Nguyễn Thái Dương	Thành viên Hội đồng quản trị/ board members	17/5/2024 (Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 ngày 17/5/2024, nhiệm kỳ 2024-2029)/ <i>(Minutes and Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders dated May 17, 2024, term 2024-2029)</i>	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director'</i> member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
01	Mr Trịnh Trung Hiếu	16/16	100%	
02	Ms Nguyễn Thị Hải Lan	16/16	100%	
03	Mr Bùi Tuấn Anh	16/16	100%	
04	Mr Nguyễn Thái Dương	16/16	100%	
05	Mr Tạ Nguyên Hải	16/16	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai và thực hiện tốt các nghị quyết của Hội đồng quản trị/ *The Board of General Directors has well deployed and implemented the resolutions of the Board of Directors.*

- Tuân thủ các quy chế nội bộ và pháp luật của Nhà nước/ *Comply with internal regulations and laws*

- Thực hiện tốt công tác lao động tiền lương, bố trí sắp xếp lao động hợp lý thúc đẩy việc sản xuất kinh doanh trong Công ty/ *Perform well labor and salary work, arrange reasonable labor arrangements to promote production and business in the Company*

- Ban Tổng giám đốc hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm/ *The Board of General Directors basically completed the planned targets set for the year*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	10/HĐQT-TPHN	17/01/2025	Miễn nhiệm vị trí P.TGD đối với Ông Lê Việt Anh <i>Dismissal of the Position of Deputy General Director for Mr. Le Viet Anh</i>	100%
2	04a/QĐ-HĐQT	10/01/2025	Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng <i>Continue the implementation of investment and construction</i>	100%
3	06b/QĐ-TPHN	16/01/2025	Kiện toàn ban dự án <i>Reorganize the Project Management Board</i>	100%
4	24/BB-TPHN	27/2/2025	Thông qua HĐTD Vietcombank <i>Approval of the Credit Agreement with Vietcombank</i>	100%
5	31a/HĐQT-TPHN	21/03/2025	Thông qua Hợp đồng giao dịch nội bộ với Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha <i>Approval of the Internal Transaction Agreement with Alpha International Food Joint Stock Company</i>	100%
6	36/HĐQT-TPHN	24/3/2025	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025 <i>Approval of the Plan for Organizing the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
7	42a/BB-HĐQT	25/3/2025	Vv vay vốn tại ngân hàng Huanan Commercial Bank, Ltd Chi nhánh TP hồ Chí Minh <i>Re: Loan Financing at Huanan Commercial Bank, Ltd – Ho Chi Minh City Branch</i>	100%
8	46/HĐQT-TPHN	02/4/2025	Thông qua toàn văn hồ sơ đại hội cổ đông thường niên 2025 <i>Approval of the Full Dossier for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
9	43a/PC-TPHN	01/04/2025	Họp về cơ cấu tổ chức phòng kinh doanh <i>Meeting on the Organizational Structure of the Sales Department</i>	100%
10	63/NQ-HĐQT	18/04/2025	Vay vốn tại VCB- Chi nhánh Hoàn Kiếm <i>Loan Financing at Vietcombank – Hoan Kiem Branch</i>	100%
11	69b/HĐQT-TPHN	29/04/2025	Thông qua chủ trương đầu tư dây chuyền bánh mì sandwich <i>Approval of the Investment Policy for the Sandwich Bread Production Line</i>	100%
12	83/HĐQT-TPHN	21/05/2025	Thông qua thanh toán cổ tức đợt còn lại của năm tài chính 2024 bằng tiền <i>Approval of the Remaining Dividend Payment for Fiscal Year 2024 in Cash</i>	100%
13	79a/BB-TPHN	15/5/2025	Vv gia hạn hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam <i>Re: Extension of the Credit Limit at Shinhan Bank Vietnam Limited</i>	100%
14	94/BB-HĐQT	03/6/2025	Vv vay vốn tại ngân hàng Eximbank Chi nhánh Đồng Đa <i>Re: Loan Financing at Eximbank – Dong Da Branch</i>	100%
15	95/NQ-HĐQT	03/6/2025	Vv vay vốn tại ngân hàng Eximbank Chi nhánh Đồng Đa <i>Re: Loan Financing at Eximbank – Dong Da Branch</i>	100%
16	109 /HĐQT-TPHN	20/6/2025	Lựa chọn kiểm toán năm 2025 <i>Selection of the Auditor for Fiscal Year 2025</i>	100%

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

Stt No.	Thành viên BKS Members of Board of Supervisors	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors	Trình độ chuyên môn Qualification
1	Mr Thái Anh Tuấn	Trưởng ban kiểm soát/ head of the supervisory board	Ngày bắt đầu 29/8/2020 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHCĐ bất thường 2020 ngày 29/8/2020/ <i>Starting date August 29, 2020 according to the Minutes and Resolution of the 2020</i>	Kế toán/ accounting major

			<i>Extraordinary General Meeting of Shareholders dated August 29, 2020</i>	
2	Ms Lê Mai Dịu	Thành viên / member of the supervisory board	Ngày bắt đầu 30/6/2021 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 30/6/2021/ <i>Starting date June 30, 2021 according to Minutes and Resolution of the 2021 Annual General Meeting of Shareholders dated June 30, 2021</i>	Kế toán/ accounting major
3	Ms Lại Thị Lỗi	Thành viên / member of the supervisory board	Ngày bắt đầu 30/6/2021 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 30/6/2021/ <i>Starting date June 30, 2021 according to Minutes and Resolution of the 2021 Annual General Meeting of Shareholders dated June 30, 2021</i>	Kế toán/ accounting major

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Thái Anh Tuấn	1	100%	100%	
2	Lê Mai Dịu	1	100%	100%	
3	Lại Thị Lỗi	1	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

- Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện 01 kỳ họp và thực hiện chức năng kiểm tra kiểm soát theo đúng quy định của Điều lệ/ *The Supervisory Board also held 01 meetings and performed inspection and control functions in accordance with the provisions of the Charter.*

- Ban kiểm soát đã tham gia tổ chức thành công các cuộc họp cổ đông trong năm theo quy định/
The Supervisory Board participated in successfully organizing shareholder meetings during the year

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i>
01	Mr Tạ Nguyên Hải – Phó Tổng giám đốc chuỗi cung ứng/ <i>Deputy General Director of supply chain</i>	01/3/1979	Công nghệ thực phẩm/ <i>Major in Food Technology</i>	Ngày bổ nhiệm 02/01/2020/ <i>Appointment date January 2, 2020</i>
02	Mr Trần Ngọc Chung- Phó Tổng giám đốc kinh doanh/ <i>Deputy General Director of Sales</i>	14/08/1979	Marketing và dự báo/ <i>Specialized in Marketing and Forecasting</i>	Ngày bổ nhiệm 05/08/2024/ <i>Appointment date August 5, 2024</i>

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Ms Đoàn Thùy Dương	03/07/1985	Kế toán/ <i>accounting major</i>	Ngày bổ nhiệm 01/10/2020/ <i>Appointment date 01/10/2020</i>

VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo trong năm nhằm đào tạo nâng cao nghiệp vụ theo quy định
The company has organized training courses during the year to improve professional skills according to regulations

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship</i>
---------	---	---	---	--	--	---	--	-------------------------	---

		Securities trading account (if any)				Time of starting to be affiliated person	affiliated person		with the Company
1	Công ty TNHH một thành viên DNA Holding / DNA Holding One Member Company limited (trước đây là Công ty cổ phần DNA Holding)		Công ty mẹ/ Parent Corporation	Mã số doanh nghiệp số 2301054242 do Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp 10/10/2018/ Business code number 2301054242 issued by the Business Registration Office of the Department of Planning and Investment of Bac Ninh province on October 10, 2018					Theo Điều 4 khoản 46 Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021/ According to Article 4, Clause 46 of the Securities Law 2019, effective January 1, 2021
2	Công ty Cổ phần công nghệ thực phẩm Đông Nam Á (DNA Food)		Người liên quan/ Affiliated Person	Mã số doanh nghiệp 2300888044 do Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp 15/5/2015/ Business code 2300888044 issued by the Business Registration Office of Planning and Investment of Bac Ninh province on May 15, 2015					Theo Điều 4 khoản 46 Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021/ According to Article 4, Clause 46 of the Securities Law 2019, effective January 1, 2021
3				Mã số doanh nghiệp:					Theo Điều 4 khoản 46

	Công ty cổ phần bao bì Đồng Nam Á (DNA pack)		Người liên quan/ Affiliated Person	0107511776 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 20/7/2016/ Business code: 0107511776 issued by the Department of Planning and Investment of Bac Ninh City for the first time on July 20, 2016					Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021/ According to Article 4, Clause 46 of the Securities Law 2019, effective January 1, 2021
5	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế ALPHA (Alpha food)		Người liên quan/ Affiliated Person	Mã số doanh nghiệp: 2300614653 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2010/ Business code: 2300614653 issued by the Department of Planning and Investment of Bac Ninh City for the first time on December 16, 2010					Theo Điều 4 khoản 46 Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021/ According to Article 4, Clause 46 of the Securities Law 2019, effective January 1, 2021

Ghi chú/Note: số Giấy NSH: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

ST T No	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. * date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT...	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total	Ghi chú Note
---------------	---------------------	---	---	---	---	--	---	-----------------

	Name of organization/ individual	with the Company			with the Company	thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	value of transaction	
1	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha/ Alpha International Food Joint Stock Company	Người liên quan/ Affiliated Person	Mã số doanh nghiệp: 2300614653 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2010/ Business code: 2300614653 issued by the Department of Planning and Investment of Bac Ninh City for the first time on December 16, 2010		13/5/2024	Nghị quyết HĐQT số 85/VPHQDQ T-TPHN 13/5/2024/ Board of Directors Resolution No. 85/VPHQDQ T-TPHN May 13, 2024	Thông qua Hợp đồng giao dịch với công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha (mượn kho)/ Approve contracts and transactions	
						Nghị quyết 31a/HĐQT-TPHN ngày 21/3/2025/ Resolution No. 31a/HĐQT-TPHN dated March 21, 2025	Thông qua giao dịch bảo đảm/ Approval of the Secured Transaction	
2	Công ty TNHH một thành viên DNA Holding / DNA Holding One Member Company limited (trước đây là Công ty cổ phần DNA Holding)	Người liên quan/ Affiliated Person	Mã số doanh nghiệp số 2301054242 do Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp 10/10/2018/ Business code number 2301054242 issued by the Business Registration Office of the Department of Planning and Investment of Bac Ninh province on October 10, 2018		18/5/2021	Nghị quyết HĐQT số 143/HĐQT-TPHN 18/5/2021 Board of Directors Resolution No. 143/HĐQT-TPHN 18/5/2021	Thông qua việc chấp nhận ký Hợp đồng về việc bảo đảm tài sản giữa Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị (bên được bảo đảm) với Công ty cổ phần DNA Holding (bên bảo đảm) Approve contracts and transactions	

3	Công ty CP công nghệ thực phẩm Đông Nam Á (DNAFood)	Người liên quan/ Affiliated Person	Mã số doanh nghiệp 2300888044 do Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp cấp 15/5/2015/ <i>Business code 2300888044 issued by the Business Registration Office of Planning and Investment of Bac Ninh province on May 15, 2015</i>		20/5/2022 21/3/2023 23/12/2024	Nghị quyết HĐQT số 93/VPHQQT-TPHN Nghị quyết HĐQT số 40/VPHQQT-TPHN Nghị quyết HĐQT số 276/VPHQQT-TPHN <i>Board of Directors Resolution No. 93/VPHQQT-TPHN; 40/VPHQQT-TPHN; 276/VPHQQT-TPHN</i>	Thông qua giao dịch hợp đồng giữa Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị và Công ty CP công nghệ thực phẩm Đông Nam Á <i>Approve contracts and transactions</i>
---	---	---------------------------------------	--	--	--	--	--

Ghi chú/Note: số Giấy NSH: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

Stt No	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại CTNY <i>Position at the listed Company</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transaction</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú Note
	Không/No								

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

Không

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding*

members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo năm)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons* công ty / *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Xem chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm/ Details in attached Appendix 01							

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company*

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	
	Không/No						

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Nơi nhận:

Recipients:

- Như kính gửi As regards;
- Lưu: VT
- Archived: ...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



Lê Trung Hiếu

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN (CÁ NHÂN, TỔ CHỨC) ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ
APPENDIX 01: LIST OF INSIDERS AND RELATED PERSONS (INDIVIDUALS, ORGANIZATIONS) TO INSIDERS

Mã chứng khoán: HNF
Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghi/Huunghi Food Joint Stock Company
Ngày chốt: 30/06/2025

STT	Mã chứng khoán/No. Stock code	Họ và tên/Full name	Chức vụ tại công ty/Position at the company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to insider	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of NSH certificate (ID card, CCCD, Passport, Business registration)	Số giấy NSH/NSH certificate number	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue of NSH certificate	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/Time of appointment	Ghi chú/Note
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Text	Text	Text	Text	Text	Text	Text	Date (dd/mm/yyyy)	Date (dd/mm/yyyy)	Text
1	HNF	Trịnh Trung Hiếu	Chủ Tịch Hội đồng Quản trị/Chairman of the Board of Directors	NNB/internal people	CMND			22/06/2022	Tái bầu lại/Re-elected
1	HNF	Trịnh Trung Hiếu	Chủ Tịch Hội đồng Quản trị/Chairman of the Board of Directors	NNB/internal people	CCCD			22/06/2022	Tái bầu lại/Re-elected
1.01	HNF	Bùi Thị Thi	Không/No	Mẹ đẻ/mother					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
1.02	HNF	Nguyễn Thị Hải Lan	Thành viên HĐQT/Member of the Board of Directors	Vợ/wife	CCCD			11/9/2024	NNB/internal people
1.03	HNF	Trịnh Minh Nguyệt	Không/No	Con gái/Daughter					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
1.02	HNF	Trịnh Tuấn Minh	Không/No	Con trai/son					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide

STT	Mã chứng khoán/No . Stock code	Họ và tên/Full name	Chức vụ tại công ty/Position at the company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to insider	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of NSH certificate (ID card, CCCD, Passport, Business registration)	Số giấy NSH/NSH certificate number	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue of NSH certificate	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/Time of appointment	Ghi chú/Note
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.03	HNF	Trịnh Minh Anh	Không/No	Con gái/Daughter					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
1.04	HNF	Trịnh Thị Đào	Không/No	Chị gái/sister					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
1.05	HNF	Trịnh Văn Quy	Không/No	Anh trai/Brother					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
1.06	HNF	Trịnh Văn Phụng	Không/No	Anh trai/Brother					Đã mất
1.07	HNF	Công ty TNHH một thành viên DNA Holding/DNA Holding One Member Co., Ltd.	Không/No	Tổ chức liên quan/Related organizations	ĐKKD				
1.08	HNF	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha/Alpha International Food Joint Stock Company	Không/No	Tổ chức liên quan/Related organizations	ĐKKD				
1.09	HNF	Công ty cổ phần công nghệ thực phẩm Đông Nam Á/Southeast Asia Food Technology Joint Stock Company	Không/No	Tổ chức liên quan/Related organizations	ĐKKD				
1.10	HNF	Công ty cổ phần bao bì Đông Nam Á/Southeast Asia Packaging Joint Stock Company	Không/No	Tổ chức liên quan/Related organizations	ĐKKD				

STT	Mã chứng khoán/No . Stock code	Họ và tên/Full name	Chức vụ tại công ty/Position at the company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to insider	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of NSH certificate (ID card, CCCD, Passport, Business registration)	Số giấy NSH/NSH certificate number	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue of NSH certificate	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/Time of appointment	Ghi chú/Note
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	HNF	Nguyễn Thị Hải Lan	Thành viên HĐQT/Member of the Board of Directors	NNB/internal people	CCCD			11/9/2024	NNB/internal people
2.01	HNF	Nguyễn Xuân Đoá	Không	Bố đẻ/father	CCCD				
2.02	HNF	Hồ Thị Liên	Không	Mẹ đẻ/mother	CCCD				
2.03	HNF	Trịnh Trung Hiếu	Chủ Tịch Hội đồng Quản trị/Chairman of the Board of Directors	Chồng/husband	CMND			22/06/2022	NNB/internal people
2.04	HNF	Trịnh Minh Nguyệt	Không/No	Con gái/Daughter					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
2.05	HNF	Trịnh Tuấn Minh	Không/No	Con trai/son					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
2.06	HNF	Trịnh Minh Anh	Không/No	Con gái/Daughter					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
2.07	HNF	Nguyễn Tiến Đức	Không/No	Em trai/Younger brother					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
4	HNF	Nguyễn Thái Dương	Thành viên HĐQT/Member of the Board of Directors	NNB/internal people	CCCD			22/05/2019	
4.01	HNF	Nguyễn Văn Thịnh	Không/No	Bố đẻ/father					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
4.02	HNF	Trịnh Thị Đào	Không/No	Mẹ đẻ/mother					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide

STT	Mã chứng khoán/No . Stock code	Họ và tên/Full name	Chức vụ tại công ty/Position at the company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to insider	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of NSH certificate (ID card, CCCD, Passport, Business registration)	Số giấy NSH/NSH certificate number	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue of NSH certificate	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/Time of appointment	Ghi chú/Note
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4.03	HNF	Nguyễn Thái Anh	Không/No	Chị gái/sister					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
4.04	HNF	Nguyễn Thị Lộc	Không	Vợ/wife					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
5	HNF	Bùi Tuấn Anh	Thành viên độc lập HĐQT/Independent member	NNB/internal people	CCCD			22/06/2022	
5.01	HNF	Bùi Chính Nghĩa	Không/No	Bố đẻ/father					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
5.02	HNF	Trần Lệ Hà	Không/No	Mẹ đẻ/mother					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
5.03	HNF	Bùi Mỹ Hạnh	Không/No	Em gái					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
5.04	HNF	Ôn Thị Mỹ Linh	Không/No	Vợ/wife					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
5.05	HNF	Bùi Đức Nam	Không/No	Con đẻ/son					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
6	HNF	Tạ Nguyên Hải	Phó Tổng giám đốc/Deputy General Manager	NNB/internal people	CMND			6/1/2020	
	HNF	Tạ Nguyên Hải	Thành viên HĐQT/Member of the Board of Directors	NNB/internal people	CCCD			11/9/2024	

STT	Mã chứng khoán/No. Stock code	Họ và tên/Full name	Chức vụ tại công ty/Position at the company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to insider	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of NSH certificate (ID card, CCCD, Passport, Business registration)	Số giấy NSH/NSH certificate number	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue of NSH certificate	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/Time of appointment	Ghi chú/Note
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6.01	HNF	Công ty TNHH một thành viên DNA Holding/DNA Holding One Member Co., Ltd.	Không/No	Tổ chức liên quan/Related organizations	ĐKKD				
6.02	HNF	Công ty cổ phần công nghệ thực phẩm Đông Nam Á/Southeast Asia Food Technology Joint Stock Company	Không/No	Tổ chức liên quan/Related organizations	ĐKKD				
6.03	HNF	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha/Alpha International Food Joint Stock Company	Không/No	Tổ chức liên quan/Related organizations	ĐKKD				
6.04	HNF	Tạ Nguyên Thanh	Không/No	Bố đẻ/father					NNB chưa/không cung cấp
6.05	HNF	Hoàng Thị Lý	Không/No	Mẹ đẻ/mother					NNB chưa/không cung cấp
6.06	HNF	Trần Thị Tuyết	Không/No	Vợ/wife					NNB chưa/không cung cấp
6.07	HNF	Tạ Trần Gia Huy	Không/No	Con trai/son					NNB chưa/không cung cấp
6.08	HNF	Tạ Trần Gia Phúc	Không/No	Con trai/son					NNB chưa/không cung cấp
6.9	HNF	Tạ Thị Hằng	Không/No	Em gái/sister					NNB chưa/không cung cấp
7	HNF	Trần Ngọc Chung	Phó Tổng giám đốc/Deputy General Manager	NNB/internal people	CCCD			5/8/2024	

STT	Mã chứng khoán/No . Stock code	Họ và tên/Full name	Chức vụ tại công ty/Position at the company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to insider	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of NSH certificate (ID card, CCCD, Passport, Business registration)	Số giấy NSH/NSH certificate number	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue of NSH certificate	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/Time of appointment	Ghi chú/Note
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7.01	HNF	Trần Ngọc Chu	Không/No	Cha đẻ/father					NNB chưa/không cung cấp
7.02	HNF	Nguyễn Thị Hào	Không/No	Mẹ đẻ/mother					NNB chưa/không cung cấp
7.03	HNF	Vương Thu Hiền	Không/No	Vợ/wife					NNB chưa/không cung cấp
7.04	HNF	Trần Văn Khanh	Không/No	Con/son					NNB chưa/không cung cấp
7.05	HNF	Trần Minh Trí	Không/No	Con/son					NNB chưa/không cung cấp
7.06	HNF	Trần Thanh Thủy	Không/No	Em gái/sister					NNB chưa/không cung cấp
8	HNF	Nguyễn Hữu Thành	Người quản trị công ty đại chúng/Public company administrator		CCCD			26/05/2022	
9	HNF	Đoàn Thùy Dương	Kế toán trưởng/Chief accountant	NNB/internal people	CCCD			1/10/2020	
9.01	HNF	Nguyễn Xuân Khánh	Không/No	Chồng/husband					
9.02	HNF	Nguyễn Ngọc Minh	Không/No	Con gái/Daughter					
10	HNF	Thái Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát/Head of the Control Board		CMND			29/08/2020	
	HNF	Thái Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát/Head of the Control Board		CCCD			29/08/2020	
10.01	HNF	Trần Thị Tuyết Mai	Không/No	Vợ/wife					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide

STT	Mã chứng khoán/No . Stock code	Họ và tên/Full name	Chức vụ tại công ty/Position at the company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to insider	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of NSH certificate (ID card, CCCD, Passport, Business registration)	Số giấy NSH/NSH certificate number	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue of NSH certificate	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/Time of appointment	Ghi chú/Note
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10.02	HNF	Thái Văn Đạo	Không/No	Bố đẻ/father					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
10.03	HNF	Trịnh Thị Thanh	Không/No	Mẹ đẻ/mother					NNB chưa/không cung cấp/internal people do not provide
10.04	HNF	Thái Lan Anh	Không/No	Em gái/sister	CMND				
10.05	HNF	Công ty/TNHH một thành viên DNA Holding/DNA Holding One Member Co., Ltd.	Không/No	Tổ chức liên quan/Related organizations	ĐKKD				
11	HNF	Lại Thị Lỗi	Thành viên Ban kiểm soát/Member of the Control Board		CCCD			30/06/2021	
11.01	HNF	Lại Thế Nho	Không/No	Bố đẻ/father					NNB chưa/không cung cấp
11.02	HNF	Nguyễn Thị Lài	Không/No	Mẹ đẻ/mother					NNB chưa/không cung cấp
11.03	HNF	Lại Thế Lực	Không/No	Em trai/Younger brother					NNB chưa/không cung cấp
11.04	HNF	Lại Thị Liên	Không/No	Em gái/sister					NNB chưa/không cung cấp
11.05	HNF	Đinh Văn Bình	Không/No	Chồng/husband					NNB chưa/không cung cấp
11.06	HNF	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha/Alpha International Food Joint Stock	Không/No	Tổ chức liên quan/Related organizations	ĐKKD				

STT	Mã chứng khoán/No. Stock code	Họ và tên/Full name	Chức vụ tại công ty/Position at the company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to insider	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of NSH certificate (ID card, CCCD, Passport, Business registration)	Số giấy NSH/NSH certificate number	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue of NSH certificate	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/Time of appointment	Ghi chú/Note
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	HNF	Lê Mai Dịu	Thành viên Ban kiểm soát/Member of the Control Board		CMND			30/06/2021	
	HNF	Lê Mai Dịu	Thành viên Ban kiểm soát/Member of the Control Board		CCCD			30/06/2021	
12.01	HNF	Lê Ngọc Tăng	Không/No	Bố đẻ/father					NNB chưa/không cung cấp
12.02	HNF	Phạm Thị Xuyên	Không/No	Mẹ đẻ/mother					NNB chưa/không cung cấp
12.03	HNF	Lê Minh Đạo	Không/No	Em trai/Younger brother					NNB chưa/không cung cấp
12.04	HNF	Trần Phạm Nhật Hoàng Vân	Không/No	Chồng/husband					NNB chưa/không cung cấp
12.05	HNF	Công ty cổ phần công nghệ thực phẩm Đông Nam Á/Southeast Asia Food Technology Joint Stock Company	Không/No	Tổ chức liên quan/Related organizations	ĐKKD				
13	HNF	Công ty TNHH một thành viên DNA Holding/DNA Holding One Member Co., Ltd.		Công ty mẹ của tổ chức niêm yết/Parent company	ĐKKD				
14	HNF	Công đoàn Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị/Huu Nghi Food Joint Stock Company Trade Union		Tổ chức chính trị - xã hội của công ty đại chúng/Sociopolitical organization	ĐKKD				

STT	Mã chứng khoán/No. Stock code	Họ và tên/Full name	Chức vụ tại công ty/Position at the company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to insider	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of NSH certificate (ID card, CCCD, Passport, Business registration)	Số giấy NSH/NSH certificate number	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue of NSH certificate	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/Time of appointment	Ghi chú/Note
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Văn Thanh

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Trịnh Trung Hiếu

